TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1011/2023/HS-PT
Ngày 27-12-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ;

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn An;

Ông Nguyễn Văn Khương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Trung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Anh Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 702/2023/TLPT-HS ngày 20 tháng 9 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Đan T. Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đan T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 372/2023/HS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Đan T, giới tính: Nam; Sinh năm 1978, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký thường trú: 40 Nam Thông B, khu phố F, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: căn hộ F H, khu phố C, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: không; Con ông: Nguyễn Tấn T1, sinh năm 1957 và bà: Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1958; Vợ: Chế Thị Vàng S, sinh năm 1984; Con: có 02 người, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2014; Tiền án: không; Tiền sự: không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 14/01/2021. *(Có mặt)*

- *Người bào chữa cho bị cáo* Nguyễn Đan T*:* Luật sư Phạm Hoàng S1 – Đoàn Luật sư Thành phố H. *(Có mặt)*

(Những người tham gia tố tụng khác không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, Tòa án không tiến hành triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 07/01/2021, Phạm Mohamed R gặp Mông Đ tại quán cà phê không rõ địa chỉ tại Quận D, (R và L quen biết nhau vào năm 2017, lúc bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q bắt, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an Q) R nhờ L làm giả 01 Giấy chứng minh nhân dân (CMND), 01 Giấy đăng ký xe và 01 giấy phép lái xe để R sử dụng những giấy tờ này đi thuê xe ô tô rồi mang xe này đi cầm cố lấy tiền tiêu xài và trả tiền nợ cho L thì L đồng ý. Cùng ngày, L điện thoại hẹn gặp Nguyễn Đan T tại Quận G (L quen biết với T từ tháng 3/2020, thông qua L, Trường Q1) để bàn bạc việc làm giả các giấy tờ trên cho R, sau khi thuê được xe sẽ tiếp tục làm giả Giấy chứng nhận đăng ký tô, T đồng ý. L liên lạc qua Zalo với đối tượng tên Chung Tử L1 (chưa rõ lai lịch) đặt làm giả 01 CMND với giá 1.000.000 đồng, 01 Giấy phép lái xe ô tô giá 2.200.000 đồng, tất cả mang tên Trương Tấn Đ (sinh ngày 10/5/1995; HKTT 127/22 L, Phường I, Quận T) nhưng dán ảnh của R. Đến ngày 09/01/2021, L1 nhận được các giấy tờ trên rồi điện thoại báo cho T biết và cùng T tìm địa điểm cho thuê xe ô tô tự lái để giới thiệu R đến thuê xe và L1 đưa các giấy tờ trên cho T để T giao lại cho R.

Khoảng 15 giờ ngày 09/01/2021, T cùng R đi xe taxi đến địa điểm cho thuê xe tự lái số I B, phường A, quận B. Tại đây, R dùng Giấy CMND mang tên Trương Tấn Đ ký hợp đồng với ông Vũ Minh T2, thuê chiếc xe ô tô hiệu Ford Focus mang biển số 51G-793.85 trong thời hạn 04 ngày (từ ngày 09/01/2021 đến ngày 12/01/2021 với giá 980.000 đồng/ngày, R đặt cọc số tiền 15.000.000 đồng). Sau khi thuê xe, T điều khiển xe ôtô chở R về đậu xe tại trước Trường học N, Quận D, rồi R nhờ T, L1 làm giả 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 51G-793.85 mang tên Trương Tấn Đ.

Khoảng 17 giờ ngày 13/01/2021, T gọi cho R thông báo là đã có giấy tờ giả của Giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô biển số 51G-793.85 mang tên Trương Tấn Đ. Đến 18 giờ 30 phút cùng ngày, T điều khiển xe ô tô chở L1 và R đến tiệm cầm đồ Minh Phú C, địa chỉ số A H, khu phố E, phường T, Quận G do ông Hứa Văn C1 làm chủ. R vào tiệm dùng Giấy CMND mang tên Trương Tấn Đ, 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô biển số 51G-793.85 mang tên Trương Tấn Đ, 01 bản sao Giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô biển số 51G-793.85 có mộc dấu chứng thực của UBND phường I, Quận A, 01 bản sao sổ hộ khẩu số 31210057902 mang tên chủ hộ Trương Ngọc Đ1 để cầm cố xe ôtô biển số 51G-793.85 cho ông C1 với giá 200.000.000 đồng, ông C1 đồng ý. Khi đang làm hợp đồng cầm cố thì ông C1 nghi ngờ Giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô biển số 51G- 793.85 là giả nên gọi điện thoại báo Công an Q2 bắt giữ Phạm Mohamed R, Mông Đ và Nguyễn Đan T.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 37/KL-HĐĐGTTHS ngày 09/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự U, kết luận: Xe ô tô hiệu Ford Focus mang biển số 51G-793.85 có trị giá 550.000.000 đồng (bút lục 29-30).

Tại kết luận giám định số 735/KLGD-TT ngày 28/01/2021 của Phòng K Công an Thành phố H, kết luận: "01 Giấy chứng minh nhân dân số 022787047 tên Phạm Văn S2 (ký hiệu A1), 01 Giấy chứng minh nhân dân số 025298391 tên Trương Tấn Đ (ký hiệu A2), 01 Giấy phép lái xe số 790147009179 tên Trương Tấn Đ (ký hiệu A3), 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô số 444233 tên Trương Tấn Đ (ký hiệu A4), 01 Giấy CMND số 0244373249 tên Phan Thanh T3 (ký hiệu A5) là giả" (bút lục 51-52).

Tại kết luận giám định số 4381/KLGĐ-TT ngày 30/7/2021 của Phòng K Công an Thành phố H, kết luận:

+ Hình dấu tròn có nội dung "UBND PHƯỜNG 9 QUẬN 10 TP HỒ CHÍ MINH" được đóng ra từ con dấu thu giữ của Nguyễn Đan T so với hình dấu tròn có nội dung tương ứng được thu giữ tại UBND phường I, Quận A không phải do cùng một con dấu đóng ra;

+ Hình dấu có nội dung "Chứng thực bản sao đúng với bản chính - số chứng thực... Quyển số....SCT/BS ngày Chủ tịch UBND phường 9 quận A" được đóng ra từ con dấu chứng thực thu giữ của Nguyễn Đan T so với hình dấu có nội dung tương ứng được thu giữ tại UBND phường I, Quận A không phải do cùng một con dấu đóng ra (bút lục 220).

Tại kết luận giám định số 5773/KLGĐ- TT ngày 23/11/2021 của Phòng K Công an Thành phố H, kết luận:

+ "Chữ ký dạng chữ viết tên "Đạc", chữ viết họ tên "Trương Tấn Đ2" dưới mục "Đại diện bên B" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A13 (đã nêu ở mục II.1) so với chữ viết của Phạm Mohamed R trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu MI (đã nêu ở mục II.2) do cùng một người viết ra;

+ Dấu vân tay trên tài liệu cần giám định ký hiệu A13 (đã nêu ở mục II. 1) so với dấu vân tay của Phạm Mohamed R trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2 (đã nêu ở mục II.2) là dấu vân tay của cùng một người;

+ Chữ viết có nội dung "TRƯƠNG NGỌC ĐỨC", "TRƯƠNG TẤN ĐẠT", "TRƯƠNG VĂN QUANG" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A12 (đã nêu ở mục IL 1) so với chữ viết của Nguyễn Đan T trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M3 (đã nêu ở mục II.2) do cùng một người viết ra;

+ Hình dấu có nội dung "BẢN SAO" được đóng ra từ con dấu cần giám định ký hiệu A8 (đã nêu ở mục II.1) so với hình dấu có nội dung "BAN SAO" trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M4 (đã nêu ở mục II.2) không phải do cùng một con dấu đóng ra;

+ Hình dấu có nội dung "Ngô Thị Việt B" được đóng ra từ cần giám định ký hiệu A9 (đã nêu ở mục II.1) so với hình dấu có nội dung "Ngô Thị Việt B" trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M4 (đã nêu ở mục II.2) không phải do cùng một con dấu đóng ra..." (bút lục 291-292).

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Phạm Mohamed R, Mông Đ và Nguyễn Đan T đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên (bút lục 110-125,134-143, 343-350, 403-413, 568-573).

Vật chứng thu giữ: (có bảng kê vật chứng kèm theo)

+ Về trách nhiệm dân sự: Ông Vũ Minh T2 đã nhận lại chiếc xe ô tô hiệu Ford Focus biển số 51G-793.85 và không yêu cầu bồi thường.

+ Ông Hứa Văn C1 không yêu cầu bồi thường.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 372/2023/HSST ngày 09 tháng 8 năm 2023, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đan T 07 (bảy) năm tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và 03 (ba) năm tù về tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*". Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 10 (mười) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 14/01/2021.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Phạm Mohamed R, Mông Đại L2, về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 30/8/2023, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Thông báo Sửa chữa, bổ sung bản án số 637/2023/TB-TA, xác định các bị cáo phạm tội "*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*"

Ngày 21/8/2023, bị cáo Nguyễn Đan T có đơn kháng cáo với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Đơn kháng cáo của bị cáo T làm trong hạn luật định, hợp lệ.

Về nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn T4: xét án sơ thẩm đã xét xử bị cáo đúng người đúng tội và hình phạt đã tuyên là tương xứng. Bị cáo không xuất trình chứng cứ nào mới nên không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo thống nhất với tội danh và điều khoản mà án sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo T4. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu cho định giá lại đối với tài sản mà bị cáo bị quy trách nhiệm hình sự là xe ô tô hiệu Ford Focus mang biển số 51G-793.85, với lý do tại thời

điểm các bị cáo chiếm đoạt tài sản trên, việc xác định giá trị tài sản lên đến 550.000.000 đồng là quá cao, không phù hợp với thực tế. Bên cạnh đó, đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ là bị hại Vũ Minh T2 đã làm đơn bãi nại đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức:

Đơn kháng cáo của bị cáo là trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Quá trình tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng, quyền và nghĩa vụ của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác được đảm bảo; các chứng cứ đã được thu thập hợp pháp, khách quan và đầy đủ để giải quyết toàn bộ các vấn đề của vụ án. Các bị cáo đã được tự nguyện khai báo, không bị ép cung, nhục hình.

[2] Về nội dung:

Kết quả điều tra đã chứng minh: vì muốn có tiền để sử dụng vào mục đích cá nhân nên vào ngày 07/01/2021, các bị cáo Phạm Mohamed R, Mông Đại L2 và Nguyễn Đan T đã bàn bạc, thống nhất thuê đối tượng tên Chung Tử L1 (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) làm giả các tài liệu là CMND, giấy phép lái xe xe ô tô và dùng các tài liệu giả này để giao kết hợp đồng thuê tài sản là xe ô tô hiệu Ford Focus mang biển số 51G-793.85 của bị hại Vũ Minh T2 vào ngày 09/01/2021. Sau khi thuê được xe ô tô trên, các bị cáo tiếp tục thuê đối tượng C2 Tử Long làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 51G-793.85 để đến ngày 13/01/2021 mang xe đi cầm cố cho ông Hứa Văn C1 thì bị phát hiện, bắt quả tang. Giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt qua định giá của cơ quan chức năng là 550.000.000 đồng. Ngoài ra, qua khám xét còn thu giữ tại nơi ở của bị cáo Nguyễn Đan T một số con dấu được xác định là con dấu giả.

Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm, xâm phạm đến 02 khách thể là hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính cơ quan Nhà nước về con dấu, tài liệu và xâm phạm quyền sở hữu tài sản của cá nhân. Do đó, có đủ căn cứ kết luận các bị cáo R, L1 và T đã sử dụng các con dấu, tài liệu giả, kết hợp với việc đưa ra các thông tin gian dối nhằm làm bị hại lầm tưởng là thật và giao tài sản cho các bị cáo dưới dạng hợp đồng thuê tài sản, từ đó chiếm đoạt tài sản có giá trị 550.000.000 đồng của bị hại. Hành vi trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174, và tội "*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Án sơ thẩm đã xác định tội danh, điều khoản như đã nêu là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan sai.

Tuy nhiên, án sơ thẩm chưa xem xét và áp dụng các quy định về đồng phạm trong trường hợp phạm tội của các bị cáo là có thiếu sót. Hội đồng xét xử có bổ sung phần này nhưng không làm thay đổi bản chất vụ án.

[3] Về nội dung kháng cáo:

Bị cáo T kháng cáo xin giảm án với lý do đã nêu trong đơn và tại phiên tòa, tuy nhiên trong giai đoạn phúc thẩm bị cáo không xuất trình thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Xét các chứng cứ đã thu thập là đầy đủ để chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo và bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, đã áp dụng đúng pháp luật để tuyên bị cáo một hình phạt tương xứng, đúng người đúng tội, không oan sai. Do vậy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Về ý kiến bào chữa của Luật sư thống nhất về tội danh và điều khoản quy kết đối với bị cáo nhưng đề nghị xem xét cho định giá lại đối với xe ô tô hiệu Ford Focus mang biển số 51G-793.85 là tài sản bị các bị cáo chiếm đoạt, với lý do việc xác định giá trị tài sản bị chiếm đoạt là quá cao, không phù hợp với thực tế. Hội đồng xét xử xét thấy, việc định giá đối với tài sản bị chiếm đoạt trong vụ án đã được các cơ quan tiến hành tố tụng ở cấp sơ thẩm tiến hành theo đúng quy định tại Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản, trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự, cùng các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Mặt khác, các bị cáo trong vụ án cũng thống nhất với Kết luận định giá tài sản số 37/KL-HĐĐGTTHS ngày 09/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự U. Do đó đề nghị này của người bào chữa cho bị cáo T là không có cơ sở chấp nhận. Ngoài ra, vị Luật sư cũng đề nghị áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự với lý do bị hại đã làm đơn bãi nại. Về tình tiết này, án sơ thẩm đã xem xét, nhận định và áp dụng cho các bị cáo được hưởng nên đề nghị này cũng không có căn cứ chấp nhận.

Quan điểm về việc kháng cáo như phân tích của Kiểm sát viên phù hợp với tài liệu, chứng cứ đã thu thập và lời khai của bị cáo trong suốt quá trình tố tụng. Do vậy, Hội đồng xét xử thống nhất giữ nguyên án sơ thẩm.

Án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Đan T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đan T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341; Điều 17; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 55 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đan T 07 (bảy) năm tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và 03 (ba) năm tù về tội "*Sử dụng con dấu và tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*". Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là **10 (mười) năm tù**.

Thời hạn tù tính từ ngày 14/01/2021.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Nguyễn Đan T phải chịu 200.000 đồng án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND TP.HCM (2);
- VKSND TP.HCM (1);
- Cục THADS TP.HCM (1);
- Sở Tư pháp TP.HCM (1);
- Công an TP.HCM (1);
- Trại tạm giam - Công an TP.HCM (2);
- Người tham gia tố tụng (3)
- Lưu VP(3), HS(2). 15b.NHT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thụy Vũ